

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sang;
2. Ông Mai Văn Tự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm: 1976; cư trú tại: Tổ 01, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ 01, ấp N, xã, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Anh và chị Lê Thị Mỹ N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N ham chơi cờ bạc, đi đánh bài ở casino gây nợ nần nên phải bán hết tài sản trong gia đình để trả nợ. Anh có khuyên chị N nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/10/1995 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày: 16/12/2003. Con chung Nguyễn Thái B đã thành niên và tự lao động sinh sống được, con chung Nguyễn Thị Mỹ D hiện đang sống chung với chị N và có nguyện vọng sống cùng chị N; anh đồng ý giao con chung tên D cho chị N nuôi dưỡng. Nghề nghiệp hiện nay của anh là lái xe thuê cho người khác, công việc cũng không ổn định do đó anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng đến khi D đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Lê Thị Mỹ N:

Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng không tham gia tố tụng, nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L; giao con chung tên Duyên cho chị N nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thị Mỹ N nhưng anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh L và chị N tự nguyện chung sống từ năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào năm 2003. Quá trình chung sống chị N mê cờ bạc, gây nợ nần. Anh L có khuyên nhiều lần nhưng chị N vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đến đầu năm 2017 thì sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị N không có thiện chí tham gia tố tụng để tìm cách hàn gắn tình cảm với anh L. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh L, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/10/1995 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 16/12/2003.

Con chung Nguyễn Thái B đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Con chung Nguyễn Thị Mỹ D là cháu gái, hiện đang sống cùng chị N. Anh L đồng ý việc chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu D; nguyện vọng của cháu cũng mong muốn sống cùng với chị N. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu D cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi nên ghi nhận.

[3] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí:

Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành L đối với chị Lê Thị Mỹ N.

1.1. Anh L và chị N chấm dứt quan hệ hôn nhân.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/10/1995 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 16/12/2003.

Con chung Nguyễn Thái B đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Mỹ D. Anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 9/2017 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Anh L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng là 600.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0015078 ngày 30/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh, anh L còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- THA Huyện D,
- Các đương sự,
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tạ Thị Hạ